

Số: /KH-UBND

Đông Kinh, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn xã Đông Kinh

Thực hiện Công văn số 8002/BKHCN-VP ngày 26/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đề xuất Kế hoạch năm 2026 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030 và Chương trình, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh, kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 13 tháng 04 năm 2026 kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh năm 2026, Thông báo số Số 20-TB/BCĐ Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại phiên họp Ban Chỉ đạo tỉnh ngày 17/3/2026. Ủy ban nhân dân xã Đông Kinh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Đề án số 22-ĐA/TU, Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 13 tháng 04 năm 2026 kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh năm 2026, Thông báo số Số 20-TB/BCĐ Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại phiên họp Ban Chỉ đạo tỉnh ngày 17/3/2026, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của UBND cấp xã theo hướng 5 rõ “Rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thời gian”.

Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền xã; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở; huy động sự tham gia, vào cuộc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội trong thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Gắn mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; góp phần

nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của xã Đông Kinh.

2. Yêu cầu

Tập trung triển khai các nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn, khả năng cân đối nguồn lực của cấp xã; bảo đảm hiệu quả, thiết thực, tránh hình thức.

Người đứng đầu UBND xã, các cơ quan, đơn vị phải nắm vững nhiệm vụ được giao, trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện; gắn kết quả thực hiện với công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ, kết quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác của UBND xã. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện trong phạm vi quản lý; đồng thời đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý nghiêm trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng chậm trễ.

1.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 13 tháng 04 năm 2026 kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh năm 2026, Thông báo số Số 20-TB/BCĐ Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại phiên họp Ban Chỉ đạo tỉnh ngày 17/3/2026 và các văn bản có liên quan đến cán bộ, đảng viên, công chức và Nhân dân trên địa bàn xã để qua đó góp phần nâng cao nhận thức, tạo động lực và khí thế thi đua trong hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.3. Phát huy vai trò điều phối liên ngành của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, cá nhân theo mô hình “địa chỉ - thời hạn - sản phẩm - giám sát”.

1.4. Lựa chọn, xác định cụ thể mô hình phát triển phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, đặc thù, tiềm năng và thế mạnh của địa phương để chỉ đạo, triển khai thực hiện theo hai hướng song song: (i) Tập trung vào phát huy lợi thế đặc thù, khai thác tiềm năng và củng cố thế mạnh của xã; (ii) Mở ra

không gian phát triển, không gian tăng trưởng mới trên địa bàn xã, bảo đảm phù hợp với định hướng chung của tỉnh. Việc triển khai dựa trên nguyên tắc “AI First” trong mọi hoạt động.

1.5. Tăng cường chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính; tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở; đẩy mạnh phát triển các ứng dụng, nền tảng, sản phẩm số cụ thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã.

2. Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách

2.1. Phối hợp rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số; khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ số; kịp thời phản ánh, đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Phối hợp rà soát, đề xuất các giải pháp, cơ chế và mô hình hỗ trợ nhằm thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư trên địa bàn xã; tham gia tạo điều kiện về mặt bằng, môi trường đầu tư, thủ tục hành chính theo quy định để phục vụ các dự án đầu tư nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ theo định hướng chung của tỉnh.

2.3. Tham gia đề xuất, kiến nghị áp dụng cơ chế khoán chi cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số; kiến nghị các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2.4. Ưu tiên bố trí, sử dụng hiệu quả các nguồn lực được giao để bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở cơ sở; chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

2.5. Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính trong phạm vi thẩm quyền; tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát, đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết; ứng dụng công nghệ số trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2.6. Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo kế hoạch, phù hợp với quy định

của pháp luật về đầu tư, đầu tư công và các quy định có liên quan; phối hợp, tham gia thực hiện các dự án đầu tư phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số, nền tảng số, đào tạo nhân lực số theo phân cấp và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

3.1. Tổ chức triển khai các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn xã theo hướng ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực có năng suất, giá trị gia tăng cao phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; đồng thời rà soát, đề xuất lộ trình chuyển đổi, giảm dần các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ lạc hậu, năng suất thấp. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đổi mới công nghệ, tự động hóa, số hóa quy trình sản xuất - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.2. Tuyên truyền, phổ biến và phối hợp triển khai các định hướng phát triển các nhóm công nghệ chiến lược theo chủ trương của tỉnh, phù hợp với điều kiện và khả năng áp dụng tại địa phương.

3.3. Khuyến khích hình thành và phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn; tham gia phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo định hướng chung.

3.4. Phối hợp triển khai các hoạt động hợp tác công - tư; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo theo mô hình hợp tác “3 nhà”; tham gia các hoạt động xúc tiến, tư vấn, kết nối cung - cầu chuyển giao công nghệ theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

3.5. Phối hợp rà soát, triển khai lộ trình đổi mới công nghệ đối với các ngành, nghề mũi nhọn theo định hướng của tỉnh, làm cơ sở để hỗ trợ và thu hút đầu tư tại địa phương.

3.6. Tham gia phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trên địa bàn thông qua việc phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, các tổ chức liên quan; khuyến khích hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế.

3.7. Phối hợp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến phát triển các trung tâm, mô hình đổi mới sáng tạo theo định hướng của tỉnh.

3.8. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất theo VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương.

3.9. Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng mô hình sản xuất rau củ quả sạch chứng nhận hữu cơ gắn tem truy xuất nguồn gốc (có đầy đủ thông tin về

quy trình sản xuất, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên môi trường số); xây dựng chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP (tối ưu hóa chi phí, chất lượng, truy xuất nguồn gốc).

3.10. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm có lợi thế của địa phương; thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực: tài nguyên và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp và các lĩnh vực khác phù hợp với điều kiện của xã.

3.11. Phối hợp triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền, tập trung vào nông nghiệp công nghệ cao, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo.

3.12. Tăng cường hỗ trợ đăng ký, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương theo hướng dẫn của các sở, ngành cấp tỉnh.

3.13. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với phát triển và khai thác tài sản trí tuệ nhằm gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.14. Triển khai các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo phân cấp; tham gia thực hiện các mô hình quản lý dựa trên ứng dụng công nghệ số theo định hướng của tỉnh.

3.15. Tham gia triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn.

3.16. Phối hợp triển khai các hoạt động liên quan đến ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân vì mục đích hòa bình theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3.17. Tham gia rà soát, đề xuất các nội dung liên quan đến phát triển tín chỉ carbon phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương theo định hướng chung của tỉnh.

4. Phát triển hạ tầng số

4.1. Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026 - 2030; bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, an toàn, an ninh; góp phần thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo định hướng chung.

4.2. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trong việc phát triển hạ tầng kết nối băng rộng, khắc phục tình trạng lờm sóng, trắng sóng (nếu có) trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các hạng mục hạ tầng số theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

4.3. Ưu tiên phát triển, nâng cấp hạ tầng số tại trụ sở làm việc của cơ quan

nhà nước, các cơ sở giáo dục, y tế và các khu vực trọng điểm của xã; bảo đảm tính kết nối, liên thông, sử dụng hiệu quả hạ tầng số hiện có; phối hợp triển khai hạ tầng viễn thông (trạm BTS,...) kiên cố, bền vững, an toàn tại các khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của thiên tai.

4.4. Rà soát, bố trí quỹ đất phục vụ phát triển hạ tầng số trên địa bàn xã, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.5. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các khu dân cư, khu vực còn khó khăn; bảo đảm người dân được tiếp cận hạ tầng số cơ bản. Phối hợp nâng cấp đường truyền tốc độ cao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, trường học, cơ sở y tế trên địa bàn.

4.6. Đối với các hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ phục vụ chuyển đổi số của UBND xã, ưu tiên lựa chọn các giải pháp triển khai trên nền tảng điện toán đám mây trên nguyên tắc hiệu quả, tối ưu hóa nguồn lực, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, khả năng mở rộng và phù hợp với tính chất của hệ thống thông tin, mức độ nhạy cảm của dữ liệu.

4.7. Phối hợp triển khai các quy định, hướng dẫn về chia sẻ, sử dụng hạ tầng số và dữ liệu theo quy định chung của tỉnh.

4.8. Phối hợp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến phát triển hạ tầng logistics theo định hướng, quy hoạch và kế hoạch của tỉnh khi có yêu cầu.

4.9. Tham gia tổ chức thực hiện việc khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; cập nhật, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã theo danh mục đã được ban hành; ưu tiên phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

4.10. Đưa các hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước lên môi trường mạng hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu.

4.11. Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai; thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

5. Triển khai các nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

5.1. Triển khai hiệu quả, đồng bộ hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; triển khai cung cấp thông tin, dữ liệu kịp thời cho người dân, doanh nghiệp thông qua trang thông tin điện tử và các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

5.2. Phối hợp triển khai, khai thác các nền tảng, ứng dụng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu theo hướng dẫn của cấp

có thẩm quyền; phối hợp triển khai các kênh tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; triển khai các giải pháp kỹ thuật để thực hiện việc tiếp dân trực tuyến (nếu có).

5.3. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin, hỗ trợ công tác dự báo, xây dựng báo cáo và ra quyết định trong các cơ quan Đảng, chính quyền góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước.

5.4. Thực hiện kết nối, khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành dùng chung của tỉnh và Trung ương; cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã lên các hệ thống thông tin theo quy định; hạn chế tình trạng trùng lặp, phân tán dữ liệu; nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

5.5. Phối hợp tham gia các hoạt động kết nối, chia sẻ thông tin giữa doanh nghiệp với các đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ, chuyên gia, cơ sở nghiên cứu, đào tạo theo các chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền; tham gia các hoạt động giới thiệu, chuyển giao mô hình, giải pháp ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

5.6. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn từng bước tham gia các chuỗi cung ứng số, tiêu thụ sản phẩm thông qua các nền tảng số theo quy định và định hướng chung.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; quan tâm phát hiện, khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn theo quy định.

6.2. Phối hợp rà soát, cập nhật thông tin về nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn; tham gia cung cấp, kết nối dữ liệu theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

6.3. Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức; tiếp tục tuyên truyền, tổ chức tham gia các khóa đào tạo, tập huấn trực tuyến về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, kỹ năng số trên nền tảng “Bình dân học vụ số” cho cán bộ, công chức, học sinh, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

6.4. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của Phong trào “Bình dân học vụ số”, góp phần nâng cao nhận thức và thúc đẩy thay đổi hành vi của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chuyển đổi số và phổ cập kỹ năng số trong quá trình chuyển đổi số tại địa phương.

6.5. Tổ chức triển khai các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người lao động trên địa bàn; phối hợp phổ cập kỹ năng số cho học sinh, người dân trong học tập, sử

dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

6.6. Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn; huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể trong việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cài đặt, sử dụng các ứng dụng phục vụ chuyển đổi số; xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho Tổ công nghệ số cộng đồng theo quy định.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

7.1. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh trong việc triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng; bố trí cán bộ phụ trách công tác công nghệ thông tin, an toàn thông tin tại UBND xã để thực hiện nhiệm vụ giám sát, cảnh báo và phối hợp ứng phó sự cố an ninh mạng theo quy định.

7.2. Tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và thông tin quan trọng của tổ chức, cá nhân trên môi trường số; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trong quá trình sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số.

7.3. Triển khai ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số của UBND xã theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của xã.

8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

8.1. Phối hợp, tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên trong việc thu hút nguồn lực phục vụ phát triển thị trường công nghệ, đổi mới sáng tạo; tăng cường phối hợp, liên kết trong việc tiếp nhận, nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện của địa phương.

8.2. Tham gia các hoạt động hợp tác, giao lưu, trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền; ưu tiên tiếp cận, ứng dụng các kinh nghiệm, mô hình trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

8.3. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn trong việc tiếp cận, tham gia các chương trình, dự án chuyển giao, ứng dụng công nghệ từ bên ngoài theo định hướng và quy định của tỉnh; tạo điều kiện để doanh nghiệp từng bước làm chủ, ứng dụng hiệu quả công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Thực hiện nhiệm vụ đầu mỗi chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tiến độ, hiệu quả triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị; rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện tại các cơ quan, đơn vị để chủ động phối hợp hỗ trợ xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

Căn cứ Kế hoạch này, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này; định kỳ hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả về UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Động viên, khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Phòng Kinh tế

Trên cơ sở đề xuất kinh phí triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch các cơ quan, đơn vị, Phòng Kinh tế tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành và đảm bảo phù hợp theo quy định của Pháp luật.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ

(*Có chi tiết Danh sách nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo*).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn xã Đông Kinh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, PVHXH.

CHỦ TỊCH

Trần Hữu Nghĩa

DANH MỤC CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Đông Kinh)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Phát triển hạ tầng			
1.	Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.	%	100	Các cơ quan, đơn vị
II	Phát triển nguồn lực			
2.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	80	Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế
III	Phát triển chuyển đổi số			
3.	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được công bố, cập nhật kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia	%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
4.	Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, cấp kết quả điện tử	%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
5.	TTHC thực hiện phi địa giới trong phạm vi cấp tỉnh được công bố, công khai; tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình đạt ,	%	70%	Trung tâm Phục vụ hành chính công, các cơ quan, đơn vị có hồ sơ thủ tục hành chính
6.	Thanh toán trực tuyến	%	75%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
7.	Hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	%	50%	Trung tâm Phục vụ hành chính công, các cơ quan, đơn vị có hồ sơ thủ tục

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
				hành chính
8.	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được quản lý, theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.	%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công, các cơ quan, đơn vị có hồ sơ thủ tục hành chính
9.	Cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản;	%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
10.	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
11.	Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ quan.	%	50%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
12.	Doanh nghiệp vừa và nhỏ triển khai ứng dụng công nghệ số.	%	40%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
13.	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	15 - 20%.	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
14.	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	%	60%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
15.	Dân số trên địa bàn tỉnh cài đặt, sử dụng ứng dụng công dân số (tích hợp nền tảng phản ánh hiện trường);	%	30%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
16.	Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng	%	60% khu vực dân cư. - 90%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
17.	Dân số từ 15 tuổi trở lên tài khoản giao dịch điện tử của các ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	100%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
18.	Người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	%	10%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
19.	Người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	95%	Các cơ quan, đơn vị có

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
				liên quan
20.	Cơ sở khám chữa, bệnh hoàn thành triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	%	100%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
21.	Người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	95%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
22.	Tỷ lệ nhà văn hóa thôn, tổ dân phố có hệ thống Wifi phục vụ miễn phí .	%	100%	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
23.	Tỷ lệ sử dụng giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh bảo đảm hạ tầng sẵn sàng vận hành ở chế độ IPv6-only để phục vụ triển khai các dịch vụ mới như Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI).	%	70%;	Các cơ quan, đơn vị có liên quan

DANH MỤC NHIỆM VỤ NĂM 2026*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Đông Kinh)*

STT	Tên nhiệm vụ	Người đứng đầu chịu trách nhiệm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.	Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số: (1) Đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) Trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) Bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc.	Chủ tịch UBND xã	Các cơ quan, đơn vị		Hoàn thành các nhiệm vụ (1), (2), (3) bảo đảm yêu cầu	Quý II năm 2026	
2.	Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số.	Chủ tịch UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số	Quý II, quý III năm 2026	
3.	Triển khai hệ thống phòng họp không giấy thông minh cấp xã.	Chủ tịch UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Văn phòng HĐND và UBND xã	Triển khai hệ thống phòng họp không giấy thông minh	Quý III năm 2026	
4.	Đầu tư, nâng cấp hệ thống		Trung tâm	Các cơ quan,	Trung tâm phục vụ hành	Quý III	

STT	Tên nhiệm vụ	Người đứng đầu chịu trách nhiệm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	trang thiết bị cho Trung tâm hành chính công cấp xã.	Chủ tịch UBND xã	Phục vụ hành chính công	đơn vị liên quan	chính công được đầu tư, nâng cấp trang thiết bị đảm bảo chất lượng phục vụ tiếp nhận và giải quyết TTHC	năm 2026	
5.	Triển khai các nội dung về an toàn thông tin tại Kế hoạch số 535/KH- UBND ngày 01/10/2025 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.	Chủ tịch UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Văn phòng HĐND và UBND xã	Công tác quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng được quan tâm triển khai đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm trong sử dụng hệ thống thông tin và môi trường số.	Quý III năm 2026	
6.	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực quan trọng: Giáo dục, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ y tế thông minh, giáo dục thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt, hoá đơn điện tử, chữ ký số công	Chủ tịch UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các ban, phòng ngành và các đơn vị, các hộ dân trên địa bàn	UBND xã đã triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng tâm như giáo dục, y tế, nông nghiệp, môi trường, xây dựng và công thương, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân.	Quý III năm 2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Người đứng đầu chịu trách nhiệm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	cộng, hệ thống ứng dụng quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử,...						
7	Tuyên truyền người dân sử dụng ứng dụng Công dân số (i-HaTinh)	Chủ tịch UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các ban, phòng ngành và các đơn vị, các hộ dân trên địa bàn	Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng i-HaTinh nhằm tiếp cận các dịch vụ số của tỉnh. Thông qua các cuộc họp thôn, hệ thống truyền thanh và tổ chuyên đổi số cộng đồng, nhận thức của người dân về tiện ích của ứng dụng từng bước được nâng cao. Tỷ lệ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng ngày càng tăng, góp phần thúc đẩy xây dựng chính quyền số và công dân số trên địa bàn	Năm 2026	
8	Phổ cập dịch vụ Internet băng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 5G, triển khai phổ cập chữ ký số công cộng cho người dân trên địa bàn xã đảm bảo chỉ tiêu.	Chủ tịch UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị và các hộ dân trên địa bàn xã	Triển khai phổ cập dịch vụ Internet băng thông rộng đến các hộ gia đình, từng bước mở rộng vùng phủ sóng di động 5G trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ số của người	Năm 2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Người đứng đầu chịu trách nhiệm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
					<p>dân. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân đăng ký và sử dụng chữ ký số công cộng trong thực hiện các giao dịch điện tử. Qua triển khai, các chỉ tiêu về hạ tầng viễn thông và phổ cập chữ ký số công cộng cơ bản được đảm bảo theo kế hoạch đề ra</p>		